

Số: /2021/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 11/TTr-SGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2021 và văn bản số 768/SGD&ĐT-KHTH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2021 và bãi bỏ các quy định tại: Điều 12, Điều 13 Quyết định số 61/2012/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lào Cai; thay thế mức thu trông giữ xe trong trường học tại Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các quy định khác trái với quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (QĐ);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

QUY ĐỊNH

**Cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ để phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và
giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày / /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục thuộc tỉnh Lào Cai quản lý (sau đây viết tắt là các cơ sở giáo dục công lập).
2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ bán trú là các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho trẻ em mầm non, học sinh ăn, ngủ trưa tại cơ sở giáo dục.
2. Dịch vụ giáo dục ngoài giờ là các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh ngoài giờ chính khóa theo quy định của pháp luật.
3. Dịch vụ đưa đón học sinh là các dịch vụ đưa đón học sinh từ nơi ở đến cơ sở giáo dục và ngược lại.
4. Giáo dục kỹ năng sống là hoạt động giáo dục giúp cho người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Các cơ sở giáo dục thỏa thuận với cha mẹ học sinh (riêng đối với đối tượng học viên vừa học vừa làm tại các cơ sở giáo dục thường xuyên thì các cơ sở giáo dục thỏa thuận với học viên) thông qua việc lấy ý kiến dự toán thu, chi, mức thu từng khoản chi từng khoản thu (bảng biên bản); không được tự ý đặt ra bất kỳ một khoản thu khác, nếu thu sai quy định phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc học sinh

2. Mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và phù hợp với khả năng đóng góp của người học. Cân đối các khoản chi để thu phù hợp, đảm bảo các mức chi sát với thực tế và phù hợp với từng dịch vụ, chi cho công tác quản lý tính theo giờ quản lý chung cho các dịch vụ phát sinh, mức chi làm ngoài giờ của cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Quản lý, hạch toán các khoản thu, chi trong hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành. Thực hiện thu theo tháng, theo kỳ, không tập trung vào đầu năm học.

4. Sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả các khoản thu, chi; đảm bảo công khai, công bằng, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định hiện hành.

Điều 5. Cơ chế thu và quản lý

1. Căn cứ vào phê duyệt của cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp quản lý, các cơ sở giáo dục thực hiện thu các khoản theo tháng, theo học kỳ. Đối tượng miễn giảm và số tiền miễn giảm do cơ sở giáo dục thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh quyết định.

2. Các cơ sở giáo dục xây dựng quy chế quản lý các khoản thu, chi dịch vụ có sự tham gia, giám sát của các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan.

Điều 6. Các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Dịch vụ tuyển sinh

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các trường trung học phổ thông không tổ chức thi tuyển mà thực hiện xét tuyển (trừ các cơ sở giáo dục đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ); xét tuyển sinh vào các trường Trung học cơ sở đối với các trường có kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.

b) Các khoản thu: Thu đủ để chi cho Hội đồng xét duyệt, Hội đồng khảo sát; mức chi cho Hội đồng xét tuyển sinh vào trung học phổ thông áp dụng mức chi như Hội đồng xét duyệt học sinh tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông; nội dung chi cho Hội đồng khảo sát xét tuyển áp dụng mức chi như các Hội đồng thi tuyển sinh vào trung học phổ thông được quy định tại Chương I Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

c) Cơ chế quản lý: Tiền thu dịch vụ tuyển sinh của học sinh tham gia xét tuyển sinh theo kế hoạch được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt; công bố giá dịch vụ xét tuyển sinh theo quy định; thông báo với cha mẹ học sinh và nộp cùng thời điểm nhận hồ sơ tuyển sinh. Cơ sở giáo dục sử dụng tiền thu phục vụ trực tiếp cho việc tổ chức xét tuyển, khảo sát xét tuyển; xây dựng dự toán trên cơ sở định mức chi theo quy định hiện hành.

2. Trông giữ xe

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện để đảm bảo thực hiện dịch vụ và chịu trách nhiệm về an toàn cho học sinh và tài sản. Đảm bảo cơ sở vật chất, an ninh, an toàn trường học, tài sản, phòng cháy, chữa cháy; đối với việc trông giữ xe ô tô không làm hạn chế hoạt động giáo dục.

b) Các khoản thu: Tiền trông giữ xe

c) Cơ chế quản lý: Các cơ sở giáo dục thu đảm bảo đủ chi phí trực tiếp cho hoạt động trông giữ xe, nộp thuế theo quy định, trích nguồn cải cách tiền lương sau khi đã trừ các chi phí trực tiếp cho hoạt động trông giữ xe và các khoản nộp ngân sách theo quy định, bổ sung chi thường xuyên, chi công tác quản lý và cơ sở vật chất đủ bù đắp theo thời gian thực hiện dịch vụ này; mở sổ kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý nguồn thu theo quy định.

3. Đưa đón học sinh

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện để đảm bảo thực hiện dịch vụ.

b) Các khoản thu: Tiền đưa đón học sinh từ nơi ở đến cơ sở giáo dục và ngược lại.

c) Cơ chế quản lý: Các cơ sở giáo dục chi trả trực tiếp cho việc thuê thực hiện dịch vụ đưa đón học sinh, trên cơ sở hợp đồng ký kết với đơn vị đủ điều kiện cung ứng dịch vụ và chịu trách nhiệm về an toàn cho học sinh.

4. Tổ chức cho học sinh đi trải nghiệm

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Tiền thuê phương tiện đi lại, vé tàu xe, vé tham quan (nếu có)...

c) Cơ chế quản lý: Cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm theo văn bản hướng dẫn hiện hành, trình cơ quan quản lý giáo dục (theo phân cấp) thẩm định, phê duyệt, xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để xác định mức thu/học sinh; chi trả trực tiếp cho các nội dung liên quan đến tổ chức hoạt động trải nghiệm. Hoạt động trải nghiệm phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, an toàn. Cơ sở giáo dục báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp trong thời gian 05 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động trải nghiệm; thực hiện công khai quyết toán với cha mẹ học sinh trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động trải nghiệm.

5. Dịch vụ bán trú

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập có tổ chức ăn, ở cho trẻ em mầm non, học sinh bán trú ăn, ngủ trưa tại trường (học sinh bán trú) nhưng không được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.

b) Các khoản thu: Tiền ăn cho trẻ em mầm non, học sinh ăn bán trú (đối với học sinh không thuộc đối tượng hỗ trợ của nhà nước); thuê người nấu ăn, phục vụ; quản lý trẻ em mầm non, học sinh bán trú.

c) Cơ chế quản lý

Cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết (bao gồm mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát) hoặc tính định mức suất ăn (đối với các cơ sở thuê dịch vụ theo suất ăn) và phân bổ theo số học sinh đăng ký ăn bán trú; những buổi học sinh không ăn bán trú thì không thu tiền. Thực hiện công khai thực đơn tài chính, số lượng học sinh ăn theo hằng ngày. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho học sinh.

Trường hợp trong năm giá cả thị trường có biến động tăng hoặc giảm so với thời điểm duyệt đầu năm (nhưng không vượt mức tối đa theo quy định) các cơ sở giáo dục trình duyệt điều chỉnh cho phù hợp.

Thuê người nấu ăn, phục vụ: Cơ sở giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh ăn bán trú; số người nấu ăn; phục vụ; mức thù lao cho người nấu ăn, phục vụ (phù hợp với quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động), để chi trả thù lao người nấu ăn, phục vụ.

6. Đồ dùng bán trú

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập có học sinh ăn, ở bán trú không được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Các khoản thu: Thu tiền mua sắm một số đồ dùng phục vụ cho học sinh bán trú gồm: Bát đĩa, nồi, xô, chậu, chăn, chiếu, gối... Trong trường hợp cha mẹ học sinh tự chuẩn bị được đồ dùng cá nhân thì không phải thỏa thuận thu tiền của cha mẹ học sinh. Kết thúc năm học phải có biên bản kiểm kê, bàn giao.

c) Cơ chế quản lý: Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết mua mới, sửa chữa trên cơ sở kiểm kê số lượng, tình trạng tài sản, đồ dùng phục vụ cho học sinh hiện có (Biên bản kiểm kê có xác nhận của Hiệu trưởng, đại diện cha mẹ học sinh); từ đó xác định số thu với học sinh đầu cấp và mua bổ sung (nếu có) cho học sinh đang học ở trường.

Đối với cơ sở giáo dục tổ chức lần đầu thì xác định trên cơ sở tổng số học sinh bán trú.

7. Nước uống

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Tiền mua nước uống hằng ngày cho học sinh trên cơ sở mức tiêu hao bình quân 01 học sinh/ tháng.

c) Cơ chế quản lý: Cơ sở giáo dục chỉ sử dụng cho việc mua nước hoặc đun nước; mua bổ sung ca cốc, bình đựng nước. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu đủ để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm nghiệm nguồn nước đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nước và sức khỏe cho học sinh.

8. Hỗ trợ mua vật liệu tự làm đồ dùng, đồ chơi trang trí nhóm lớp mầm non, tiểu học

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ nhà trường mua vật liệu để tự làm đồ dùng, đồ chơi, trang trí lớp học các trường mầm non, tiểu học.

c) Cơ chế quản lý: Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết, cụ thể danh mục, số lượng, kiểu mẫu, yêu cầu của từng nội dung để cha mẹ học sinh hỗ trợ mua vật liệu tự làm đồ dùng, đồ chơi trang trí nhóm lớp mầm non, tiểu học. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được đảm bảo theo quy định hiện hành.

9. Điện sử dụng điều hoà, bình nóng lạnh cho học sinh bán trú

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Thu thỏa thuận để chi trả giờ học sinh ở lại trường nghỉ trưa, điện sử dụng điều hoà, bình nóng lạnh (số tiền này phải được chi trả đầy đủ cho cơ quan cung cấp điện và có chứng từ kế toán đảm bảo quy định).

c) Cơ chế quản lý: Các cơ sở giáo dục có điều kiện lắp đặt điều hoà, bình nóng lạnh cho các lớp học có thể thực hiện lắp đồng hồ điện riêng và chi trả theo thực tế hoặc tính theo công suất Kw/giờ để chi trả đảm bảo đủ bù đắp điện tiêu hao cho các dịch vụ này.

10. Phô tô đề kiểm tra, giấy kiểm tra

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Phô tô đề kiểm tra, giấy kiểm tra cho học sinh.

c) Cơ chế quản lý: Nhà trường thống nhất với cha mẹ học sinh để thuê phô tô hoặc mua giấy, mực phô tô, bảo trì, sửa chữa máy để phô tô đề cương, phiếu học tập, đề kiểm tra cho học sinh; mua ghim, cặp tài liệu... phục vụ học sinh.

11. Khen thưởng học sinh có thành tích

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

b) Các khoản thu: Khen thưởng tập thể lớp, cá nhân học sinh cuối học kỳ I, cuối năm học, học sinh đạt giải trong các cuộc thi, học sinh giỏi các cấp (khen thưởng cho cá nhân học sinh đạt học sinh giỏi, học sinh tiên tiến; khen thưởng tập thể lớp, cá nhân học sinh trong các đợt thi đua Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3), trừ các học sinh đạt các danh hiệu đã được cấp cao hơn khen, tặng).

c) Cơ chế quản lý: Nhà trường thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh để khen thưởng, động viên khuyến khích học sinh theo hình thức bằng tiền hoặc hiện vật.

12. Dạy thêm, học thêm

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập.

Nội dung được dạy thêm theo cấp học, các cơ sở giáo dục công lập thực hiện đúng quy định về dạy thêm và học thêm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản

liên quan hiện hành khác quy định về dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục công lập.

Dạy và học bằng tiếng Anh các môn khoa học tự nhiên-Toán thực hiện theo Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác.

Giáo dục kỹ năng sống thực hiện đảm bảo các quy định theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa và các quy định hiện hành.

b) Các khoản thu: Thu tiền dịch vụ học thêm của các học sinh có nguyện vọng học thêm tại các cơ sở giáo dục.

c) Cơ chế quản lý

Đối với dạy thêm, học thêm, giáo dục kỹ năng sống do các cơ sở giáo dục công lập tự tổ chức, thực hiện: Các cơ sở giáo dục thu đảm bảo đủ chi phí trực tiếp cho người dạy tối thiểu 80%; số còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định (nếu có), đơn vị sử dụng như sau: 60% chi phí công tác tổ chức quản lý chung (chỉ đạo chuyên môn, quản lý, hành chính, tài chính, phúc lợi chung), 40% chi phí điện, nước, vật tư, văn phòng phẩm, chi phí sửa chữa, thay thế cơ sở vật chất đủ bù đắp theo thời gian thực hiện dạy thêm, học thêm.

Đối với dạy thêm, học thêm, giáo dục kỹ năng sống do các cơ sở giáo dục công lập ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường tổ chức thực hiện: Các cơ sở giáo dục thu đảm bảo đủ chi trả cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng (chiếm 80%); số còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định (nếu có), đơn vị sử dụng như sau: 60% chi phí công tác tổ chức quản lý chung (chỉ đạo chuyên môn, quản lý, hành chính, tài chính, phúc lợi chung), 40% chi phí điện, nước, vật tư, văn phòng phẩm, chi phí sửa chữa, thay thế cơ sở vật chất đủ bù đắp theo thời gian thực hiện dạy thêm, học thêm.

Đối với dạy thêm, học thêm, giáo dục kỹ năng sống do các tổ chức, cá nhân ngoài nhà trường tổ chức: Thực hiện mức thu, quản lý, tổ chức triển khai và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

13. Tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các cơ sở giáo dục công lập (đối với các kỳ thi, cuộc thi được cấp có thẩm quyền quy định nhưng không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước).

b) Các khoản thu: Thu tiền để chi thực hiện các nội dung phục vụ thi (ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm thi, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm, công tác quản lý, hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước...).

c) Cơ chế quản lý: Các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp-Hướng nghiệp dạy nghề và Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp huyện tổ chức thi thử cho học sinh (không quá 02 lần/năm học), trường hợp tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi cho học sinh nhiều hơn quy định thì các cơ sở giáo dục báo cáo xin ý kiến cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo). Sử dụng tiền thu để chi các nội dung phục vụ thi; mức chi được áp dụng bằng mức chi các kỳ thi chính thức theo mức chi quy định hiện hành; trích nguồn cải cách tiền lương sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cho việc tổ chức thi thử và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, bổ sung chi thường xuyên, chi công tác quản lý và cơ sở vật chất đủ bù đắp theo thời gian thực hiện dịch vụ này.

14. Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề và Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Công nghệ thông tin (thuộc Sở Thông tin Truyền thông tỉnh) được giao nhiệm vụ.

b) Các khoản thu: Chi phí cho các Hội đồng thực hiện nhiệm vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ thu đủ chi các nội dung theo quy định; tiền mua phôi, in chứng chỉ...

c) Cơ chế quản lý: Các Trung tâm thu đảm bảo đủ chi phí trực tiếp cho Hội đồng tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ; trích nguồn cải cách tiền lương sau khi đã trừ chi phí trực tiếp cho việc tổ chức sát hạch và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, bổ sung chi thường xuyên, chi công tác quản lý và cơ sở vật chất đủ bù đắp theo thời gian thực hiện dịch vụ này.

15. Một số nội dung khác:

Một số nội dung khác không quy định trong quy định này các cơ sở giáo dục và các đơn vị liên quan căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hiện hành để triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định, phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thu, chi các khoản dịch vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chỉ đạo thực hiện quy định này trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, phổ biến quy định về các khoản thu trong nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh, học sinh biết.

c) Phê duyệt các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, đảm bảo phù hợp giữa các cấp học, khu vực;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý.

3. Trách nhiệm các cơ sở giáo dục công lập

a) Xây dựng dự toán thu, chi của từng khoản dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, thống nhất trong lãnh đạo nhà trường, tập thể hội đồng nhà trường về mức thu, mức chi, đối tượng thu là đối tượng hưởng lợi, hình thức tổ chức huy động, đóng góp;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể cha mẹ học sinh, lập biên bản có đầy đủ chữ ký và ý kiến của các thành phần tham dự hội nghị. Lập hồ sơ trình Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp. Hồ sơ gồm: Tờ trình, biên bản họp cha mẹ học sinh, dự toán thu, chi từng khoản thu.

c) Khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở giáo dục công khai các khoản thu, mức thu, chi của từng khoản thu được duyệt trước tập thể hội đồng nhà trường, tổ chức thông báo tới cha mẹ học sinh trước khi thu; có phương án bố trí và phục vụ học sinh cho phù hợp khi triển khai dịch vụ, tránh gây ra tâm lý không tốt đối với học sinh, nhất là học sinh không tham gia các dịch vụ.

d) Cơ sở giáo dục xây dựng quy chế thu, chi các khoản dịch vụ, quy định nội dung từng khoản chi để làm căn cứ thực hiện; có trách nhiệm kê khai và nộp ngân sách (nếu có) theo quy định; đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ trực tiếp cho học sinh (thu đủ chi), không điều chuyển từ khoản này sang khoản khác hoặc chi cho nội dung, mục đích khác; nếu trong trường hợp kết thúc năm học còn dư kinh phí, chuyển sang năm học sau (có biên bản đồng ý của Ban đại diện cha mẹ học sinh) tiếp tục thực hiện; riêng học sinh lớp cuối cấp, thực hiện hoàn trả cho cha mẹ học sinh.

r) Đối với các khoản thu dịch vụ: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định hiện hành.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kết quả phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo

dục trực thuộc theo phân cấp quản lý, gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 10 hằng năm.

2. Kết thúc năm học Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc theo phân cấp; các đơn vị trực thuộc Sở, gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 7, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Cơ sở giáo dục đã ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp các hoạt động dịch vụ giáo dục mà hiệu lực của hợp đồng đến hết năm học 2020-2021 trước khi quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết năm học 2020-2021.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố tổng hợp ý kiến của các cơ sở giáo dục trực thuộc; các đơn vị trực thuộc Sở, phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.